

DANH SÁCH THIẾT BỊ CHÍNH
LIST OF EQUIMENTS



Hình 1. Hệ thống thiết bị thí nghiệm hằn lún vết bánh xe
Figure 1. Hamburg Wheel-Track Testing of Compacted Hot Mix Asphalt (HMA)



Hình 2. Hệ thống thiết bị thí nghiệm mô đun đàn hồi động của vật liệu (UTM-30)
Figure 2. Modulus of dynamic elasticity (UTM-30)



Hình 3a. Thiết bị đầm lăn BTN
Figure 3a. Roller compactor



Hình 3b. Thiết bị đầm xoay BTN
Figure 3b. Gyrotory compactor



Hình 4. Bộ thiết bị trộn Bê tông nhựa
Figure 4. Asphalt concrete mixtures Equipment



Hình 5. Bộ thiết bị cắt động lưu biến DSR
Figure 5. DSR test Equipment



Hình 6. Thiết bị tách bột khoáng từ dung dịch triết tách (Abson)
Figure 6. Equipment for separating mineral powders from extraction solution



Hình 6a. Thí nghiệm gia nhiệt màng mỏng bitum trên thiết bị xoay
Figure 6a. Experiment on bitumen thin film heating on rotating equipment



Hình 7. Bộ thiết bị già hóa nhựa đường dài hạn PAV3
Figure 7. Pressure Aging Vessel of Bituminous Materials (PAV)



Hình 8. Bộ thiết bị tủ hút chân không già hóa nhựa đường

Figure 8. Desciccator of Pressure Aging Vessel of Bituminous Materials



Hình 9. Thiết bị thí nghiệm độ nhớt động lực học của nhựa đường

Figure 9. Viscosity of Bituminous by Vacuum Capillary Viscometer



Hình 10. Thiết bị thí nghiệm độ kim lún tự động của nhựa đường

Figure 10. Penetration of Bituminous Materials Equipment



Hình 11. Máy thí nghiệm độ kéo dài, độ đàn hồi của nhựa đường

Figure 11. Ductilometer, Elastic Recovery of Bituminous Materials



Hình 12. Thiết bị thí nghiệm độ hóa mềm của nhựa đường
 Figure 12. Ring and ball apparatus (for Softening coefficient of Bituminous)



Hình 13. Thiết bị thí nghiệm xác định hàm lượng tổn thất của nhựa đường khi đun nóng
 Figure 13. Loss on heating/ Thin film oven



Hình 14. Bộ thiết bị xác định hàm lượng Paraffin có trong nhựa đường
 Figure 14. Paraffin wax testing system (PETROTEST)



Hình 15. Các cân điện tử có độ chính xác 0,001 và 0,0001g

Figure 15. Electronic scale



Hình 16. Thiết bị chưng cất nhũ tương

Figure 16. Emulsion distillation Equipment



Hình 17. Máy hút chân không
Figure 17. Vacuum pyknometer



Hình 18. Máy đầm tạo mẫu BTN – Marshall
Figure 18. Marshall compactor Machine



Hình 19. Bộ sàng tiêu chuẩn phân tích thành phần hạt
của vật liệu
Figure 19. Sieve set for determine Particle Size
Analysis of Material



Hình 20. Thiết bị thí nghiệm các chỉ tiêu Marshall
Figure 20. Marshall testing Machine



Hình 21. Thiết bị thí nghiệm tách nhựa
Rotatest
Figure 21. Asphalt centrifuge extractor



Hình 22. Thiết bị thí nghiệm xác định độ nhớt
của nhũ tương
Figure 22. Determination of Viscosity of
emulsified bitumen



Hình 23. Thiết bị thí nghiệm xác định
chỉ số CBR
Figure 23. Index of The California Bearing
Ratio Testing



Hình 24. Thiết bị đầm nén tiêu chuẩn
Figure 24. Standard compaction Equipment



Hình 25. Thiết bị thí nghiệm cắt phẳng tự động ELE
Figure 25. Direct /Residual shear apparatus (ELE)



Hình 26. Thiết bị thí nghiệm nén cố kết ELE
Figure 26.Consolidation apparatus



Hình 27. Thiết bị thí nghiệm cường độ nén điểm của đá ELE
Figure 27.Point Compressive Strength Tester



Hình 28. Thiết bị thí nghiệm mô đuyên đàn hồi vật liệu M&O
Figure 28.Elastic modulus of Material M&O



Hình 29. Thiết bị thí nghiệm độ mài mòn
LosAngeles ELE
Figure 29.Resistance to Degradation of Small Size
Coarse Aggregate by Abrasion and Impact in the Los
Angeles Machine



Hình 30. Bộ thiết bị thí nghiệm vật liệu
Bentonite

Figure 29.Bentonite Testing



Hình 31. Thiết bị thí nghiệm nén một trục
Figure 31. Unconfined Compressive Strength Tester



Hình 32. Máy thí nghiệm cường độ kháng nén
ELE
Figure 32. Compressive strength test ELE



Hình 33. Máy thí nghiệm cường độ vật liệu Bê tông xi măng 3000kN ELE
Figure 33. Concrete testing system (ELE)



Hình 34. Máy thí nghiệm vạn năng SHIMADZU 2000kN
Figure 34. Steel Testing System (2000kN)



Hình 35. Máy thí nghiệm cường độ
vật liệu 50kN
Figure 35. Steel Testing System
(50kN)



Hình 36. Máy thí nghiệm kéo cao su
Figure 36. Tensile test for rubber



Hình 37. Máy thí nghiệm độ bền kháng Ozone
Figure 37. Ozone testing



Hình 38. Hệ thống thử mỏi
Figure 38. MTS system (for fatigue property of material)



Hình 39. Máy thí nghiệm độ cứng kim loại
Figure 39. Hardness of steel apparatus



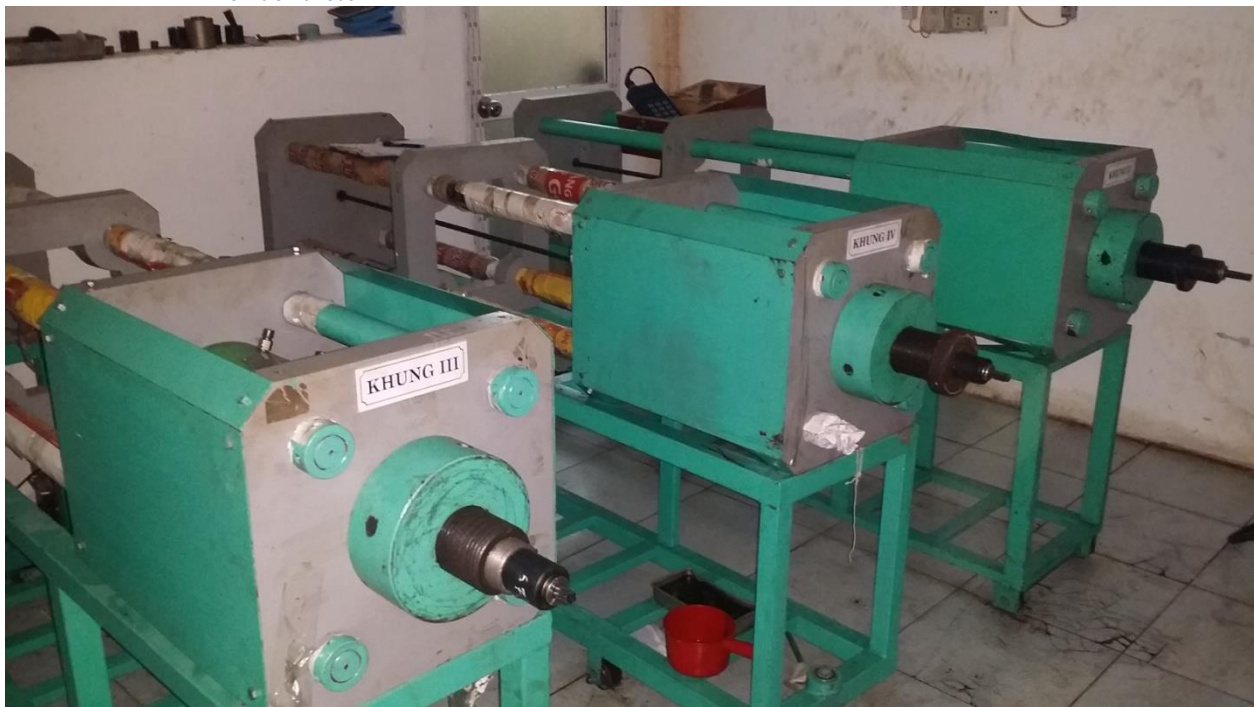
Hình 40. Máy thí nghiệm độ va đập kim loại
Figure 40. Charpy pendulum impact test



Hình 41. Máy thí nghiệm độ chống thấm của bê tông
Figure 41. Waterproof testing machine of concrete



Hình 42. Máy thí nghiệm độ mài mòn của gạch và bê tông
Figure 42. Abrasion testing machine



Hình 43. Hệ thống khung căng kéo cấp dự ứng lực (Thí nghiệm chùng ứng suất)
Figure 43. Stress Relaxation for Materials and Structures



Hình 44. Hệ thống khung căng kéo cáp dự ứng lực
Figure 44. Cable test frame



Hình 45. Khung thí nghiệm gối cầu 2000T
Figure 45. Compression of Bearing test frame 2000T



Hình 46. Khung thí nghiệm gối cầu 2500T
Figure 46. Compression of Bearing test frame 2500T



Hình 47. Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ áp suất
Figure 47. Calibration Equipment



Hình 48. Thiết bị xác định đường kính cốt thép
Electromagnetic method for determining location
and diameter of steel bar in the concrete



Hình 49. Thiết bị Vicat tự động
Figure 49. Automatic Vicat Apparatus



Hình 50. Thiết bị xác định cường độ kéo nhổ (Pull-Off)
Figure 50. Determination of nail pull resistance



Hình 51. Thiết bị siêu âm mối hàn
Figure 51. Ultrasonic weld testing



Hình 52. Thiết bị siêu âm bê tông
Figure 52. Ultrasonic betong testing



Hình 53. Máy khoan mẫu tại hiện trường
Figure 53. Sample drilling machine at site



Hình 54. Thí nghiệm CBR tại hiện trường
Figure 54. California Bearing Ratio at site



Hình 55. Thiết bị thí nghiệm thám hiện trường
Figure 55. Field experiments test at site



Hình 56. Phễu rót cát thí nghiệm đo độ chặt hiện trường
Hình 56. Density of Soil In-Place by the Sand-Cone Method



Hình 57. Con lắc Anh thí nghiệm sức kháng trượt của mặt đường
Figure 57. Measuring Surface Frictional Properties Using the British Pendulum Tester



Hình 58. Thiết bị đo mô đun đàn hồi bằng phương pháp động FWD
Figure 58. Elastic modulus of pavement by FWD machine



Hình 59. Thiết bị đo độ bằng phẳng IRI (Two laser) lắp trên xe
Figure 59. Measuring the Longitudinal Profile of Traveled Surfaces with an Accelerometer Established Inertial Profiling Reference



Hình 60. Thiết bị đo sức kháng trượt của mặt đường SFT T-10
Figure 60. Measurement of road surface friction coefficient SFT T-10

DANH SÁCH THIẾT BỊ NDT
LIST OF DEVICES NON DESTRUCTIVE TESTING



Hình 61.Thiết bị kiểm tra siêu âm mối hàn Krautkramer USM 36
Figure 61.The Krautkramer USM 36 ultrasonic flaw detector



Hình 62.Máy siêu âm bê tông
Figure 62. Ultrasonic concrete tester



Súng bật nảy

Hình 63.Súng bật nảy
Figure 63. Rebound hammer



Hình 64.Máy chụp X-ray xách tay
Figure 64. Portable X-Ray Equipment



Hình 63. Máy thủy bình
Figure 63. Automatic Level



Hình 64. Bộ đầu dò sử dụng cho siêu âm mỗi hàn
Figure 64. Probes



Hình 65. Máy siêu âm mối hàn USM GO
Figure 65. USM Go Ultrasonic Flaw Detector



Hình 66. Thiết bị kiểm tra từ tính mối hàn (Gông từ AC)
Figure 66. Magnetic Inspection Equipment (Yoke AC)



Hình 67. Khung tadem định hướng đầu dò
Figure 67. Mechanical rig to assist the positioning of the probes



Hình 68. Khối chuẩn V1
Figure 68. Calibration block V1